

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG  
CỤC ĐĂNG KÝ VÀ DỮ LIỆU  
THÔNG TIN ĐẤT ĐAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: / CĐKDLTTĐĐ-CNDLTTĐĐ

Hà Nội, ngày tháng 12 năm 2024

V/v hướng dẫn tạo và trình bày thông tin  
mã QR của Giấy chứng nhận

Kính gửi: Sở Tài nguyên và Môi trường các tỉnh,  
thành phố trực thuộc Trung ương

Căn cứ Luật Đất đai năm 2024, Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường đã ban hành Thông tư số 10/2024/TT-BTNMT ngày 31/7/2024 quy định về hồ sơ địa chính, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, trong đó quy định mẫu Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất thay thế mẫu Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất và bắt đầu thực hiện từ ngày 01 tháng 01 năm 2025.

Tiếp theo công văn số 1671/CĐKDLTTĐĐ-CNDLTTĐĐ ngày 02 tháng 12 năm 2024 của Cục Đăng ký và Dữ liệu thông tin đất đai gửi Sở Tài nguyên và Môi trường các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về việc chuẩn bị điều kiện để in Giấy chứng nhận theo mẫu mới từ ngày 01/01/2025, để thống nhất về việc thể hiện thông tin mã QR của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, thực hiện nhiệm vụ do Bộ Tài nguyên và Môi trường giao, Cục Đăng ký và Dữ liệu thông tin đất đai hướng dẫn chi tiết về việc tạo và trình bày thông tin mã QR của Giấy chứng nhận ở Phụ lục kèm theo.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị phản ánh về Cục Đăng ký và Dữ liệu thông tin đất đai, Bộ Tài nguyên và Môi trường để được hỗ trợ, hướng dẫn kịp thời.

Cục Đăng ký và Dữ liệu thông tin đất đai đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nghiên cứu, triển khai thực hiện./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Thứ trưởng Lê Minh Ngân (để b/c);
- Cục trưởng Mai Văn Phấn (để b/c);
- Các Phó cục trưởng;
- Các đơn vị trực thuộc Cục;
- Lưu: VT, VP, ĐKĐĐ, CNDLTTĐĐ.

**KT. CỤC TRƯỞNG  
PHÓ CỤC TRƯỞNG**

**Võ Anh Tuấn**

# PHỤ LỤC

## HƯỚNG DẪN TẠO VÀ TRÌNH BÀY THÔNG TIN MÃ QR CỦA GIẤY CHỨNG NHẬN

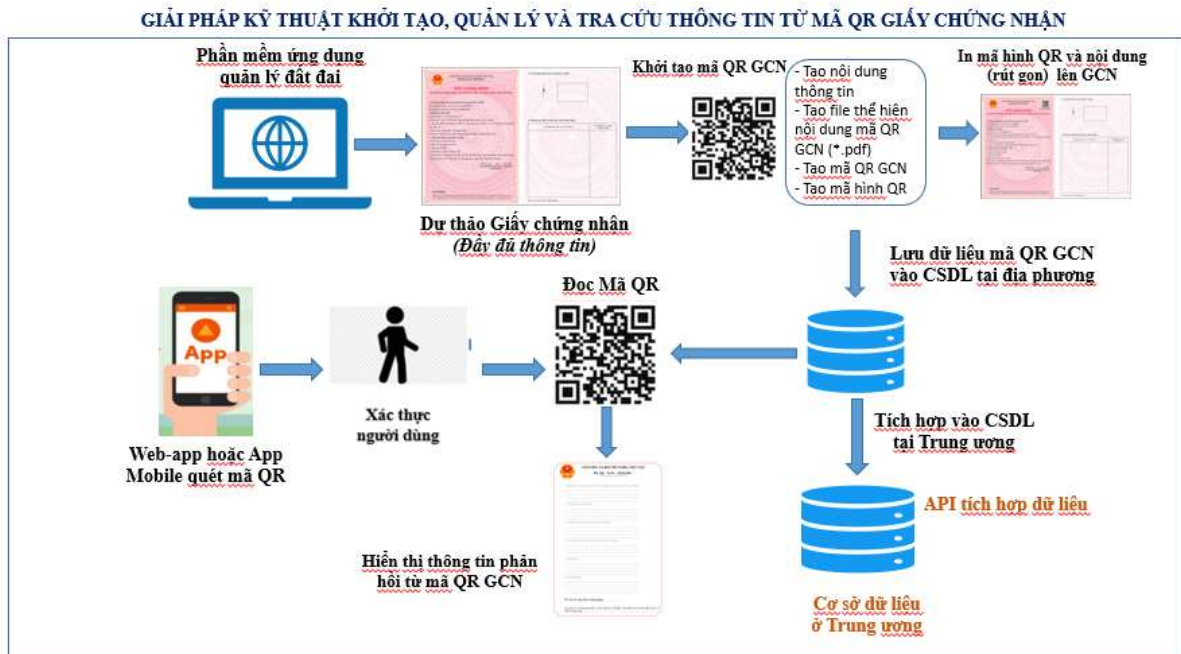
### I. Về khởi tạo và quản lý mã QR của Giấy chứng nhận

Việc khởi tạo, quản lý và tra cứu thông tin phản hồi từ mã QR của Giấy chứng nhận phải đảm bảo đáp ứng các yêu cầu cụ thể được quy định tại Điều 14, Thông tư số 10/2024/TT-BTNMT ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất (sau đây viết tắt là Thông tư số 10/2024/TT-BTNMT); nội dung, cấu trúc, kiểu thông tin của dữ liệu mã QR của Giấy chứng nhận tuân thủ theo quy định tại Thông tư số 09/2024/TT-BTNMT ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông tư quy định về nội dung, cấu trúc, kiểu thông tin cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai và yêu cầu kỹ thuật đối với phần mềm ứng dụng của Hệ thống thông tin quốc gia về đất đai (sau đây viết tắt là Thông tư số 09/2024/TT-BTNMT).

Một số yêu cầu kỹ thuật cụ thể như sau:

#### 1. Mô hình triển khai mã QR của Giấy chứng nhận

Việc triển khai được thực hiện ở 02 cấp địa phương và trung ương theo mô hình chi tiết như sau:



#### 1.1. Sở Tài nguyên và môi trường

a) Phát triển phân hệ phần mềm (tạo, trình bày mã QR) tích hợp vào phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu đất đai đang được sử dụng tại địa phương để thực hiện các công việc sau:

- Khởi tạo nội dung, thông tin mã QR của Giấy chứng nhận và lưu trữ trong cơ sở dữ liệu đồng bộ với dữ liệu về giấy chứng nhận;

- Tích hợp thông tin về mã QR của Giấy chứng nhận vào cơ sở dữ liệu đất đai do trung ương quản lý.

Trường hợp Giấy chứng nhận bị thu hồi thì mã QR đã in trên giấy chứng nhận cũng cập nhật sang trạng thái hết hiệu lực đồng thời với việc thực hiện thủ tục đăng ký biến động trên hệ thống phần mềm.

b) Phát triển ứng dụng Web-App hoặc App Mobile để thực hiện các công việc sau:

- Khởi tạo tài khoản: Xác thực thông tin CCCD của người sử dụng đất bằng việc khởi tạo tài khoản cho người sử dụng đất (có chức năng cho phép người sử dụng đất đăng ký tài khoản bằng số CCCD và chụp ảnh 2 mặt CCCD để lưu vào hệ thống hoặc thông qua tài khoản VneID (khuyến cáo sử dụng giải pháp này nếu điều kiện cho phép);

- Tra cứu mã QR của Giấy chứng nhận:

- + Đăng nhập qua tài khoản bằng số CCCD hoặc tài khoản VneID;

- + Nhập số phát hành phiê Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất (Seri Giấy chứng nhận) ;

- + Quét mã QR và hiển thị thông tin nội dung phản hồi từ mã QR của Giấy chứng nhận.

Tên miền sử dụng để cấu hình và truy nhập file pdf hiển thị thông tin phản hồi từ mã QR của Giấy chứng nhận và ứng dụng quét mã QR của Giấy chứng nhận là [https://tracuugcn.\[tentinh\].gov.vn](https://tracuugcn.[tentinh].gov.vn) hoặc [https://\\*\\*.\[tentinh\].gov.vn](https://**.[tentinh].gov.vn) phù hợp với đặc thù của địa phương.

### **1.2. Bộ Tài nguyên và Môi trường:**

Bộ Tài nguyên và Môi trường phát triển ứng dụng dịch vụ (webservice) để tích hợp và tổ chức lưu trữ thông tin về mã QR của Giấy chứng nhận được địa phương tích hợp lên vào cơ sở dữ liệu đất đai do trung ương quản lý theo quy định tại khoản 4 Điều 14 Thông tư số 10/2024/TT-BTNMT.

## **2. Quy định về tạo dữ liệu mã QR của Giấy chứng nhận**

### **a) Khởi tạo mã QR**

Là chuỗi ký tự gồm các thành phần theo thứ tự liệt kê dưới đây, mỗi thành phần được viết liền và ngăn cách giữa các thành phần là ký tự dấu |.

- Thời gian khởi tạo QR: Là thời điểm tạo mã hình QR (định dạng dd-mm-yyyy-hh-mm-ss);

- Đơn vị khởi tạo QR (đơn vị in GCN): Là mã định danh điện tử đơn vị in Giấy chứng nhận;

- Phần mềm in QR: Là tên phần mềm tạo mã QR và in Giấy chứng nhận

- Mã hồ sơ thủ tục hành chính: Là mã hồ sơ thủ tục hành chính theo quy định

- Số seri: Là số phát hành phiê Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất.

- Mã Giấy chứng nhận: Là mã Giấy chứng nhận theo quy định của Thông tư số 10/2024/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Mã Giấy chứng nhận được thực hiện khi Hệ thống thông tin quốc gia về đất đai được đưa vào vận hành, khai thác chính thức (*hiện tại thông tin này để trống do chưa có mã Giấy chứng nhận*).

- Thời gian chỉnh sửa file PDF: Là thời điểm chỉnh sửa file PDF chứa nội dung QR (định dạng dd-mm-yyyy-hh-mm-ss).

- Mã bảo mật: Là mã bảo mật theo định dạng đã được mã hóa riêng gồm 9 ký tự được khởi tạo bằng phương pháp sinh số ngẫu nhiên bởi hệ thống phần mềm đang vận hành tại địa phương.

Mã QR được sử dụng là khóa liên kết giữa thông tin phản hồi nhanh khi quét (scan) mã hình QR được in trên Giấy chứng nhận và file pdf chứa thông tin đã lưu trong cơ sở dữ liệu mã QR của Giấy chứng nhận.

Ví dụ: 25-01-2025-09-33-20/H13.12.3-250101-0099/VILIS3.0/H13.0068/AA012345678/T1010000001/25-01-2025-09-33-20/123478212

b) Tên file pdf là mã QR đã được mã hóa theo phương pháp mã hóa 1 chiều (hash) sử dụng thuật toán băm SHA-256.

Ví dụ: a8adc6b17dc228d0b9c09e291ee416a92e70ee3f64c358bb6eb0b09e07154f.PDF

c) Mã hình QR của Giấy chứng nhận

Mã hình QR của Giấy chứng nhận thực hiện khởi tạo theo quy định tại khoản 3 và khoản 5 Điều 14 Thông tư số 10/2024/TT-BTNMT.

Chuỗi ký tự để khởi tạo mã hình QR của Giấy chứng nhận là chuỗi ký tự mã QR.

Ví dụ:



### 3. Quy định về việc lưu trữ dữ liệu mã QR của Giấy chứng nhận

Cấu trúc dữ liệu mã QR của Giấy chứng nhận được thiết kế đồng bộ với cơ sở dữ liệu địa chính theo quy định tại Thông tư số 09/2024/TT-BTNMT và bổ sung thêm như sau:

- Bổ sung trường dữ liệu "HieuLuc" vào bảng "Dữ liệu QR về Giấy chứng nhận" đã được quy định tại Thông tư số 09/2024/TT-BTNMT để ghi nhận tính hiệu lực của nội dung mã QR;

- Bổ sung thêm bảng dữ liệu mô tả thông tin về đối tượng người sử dụng đất, cụ thể như sau:

STT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Mô tả
1	Loaidoituong	Số	1: cá nhân; 2: tổ chức; 3: cộng đồng dân cư
2	TenNguoiSuDung	String	Họ tên chủ (cá nhân)/ Tên tổ chức/ Tên cộng đồng dân cư
3	TenNguoiDaidien	String	Tên người đại diện theo pháp luật trong trường hợp là tổ chức hoặc cộng đồng dân cư
4	GiayTo	String	Số giấy tờ nhân thân/ Là số quyết định thành lập hoặc số giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/ Số giấy tờ tùy thân của người đại diện theo pháp luật
5	MaQR	String	mã QR của Giấy chứng nhận, là khóa ngoại liên kết với bảng "Dữ liệu QR về Giấy chứng nhận"

#### 4. Quy định về việc tích hợp dữ liệu mã QR của Giấy chứng nhận từ địa phương lên trung ương

Dữ liệu mã QR của của Giấy chứng nhận được địa phương tích hợp lên trung ương theo thời gian thực hoặc theo chu kỳ trong ngày (theo phương thức địa phương chủ động gửi thông tin lên trung ương) để quản lý, khai thác sử dụng trong cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai.

##### 4.1. Nội dung gói dữ liệu mã QR của Giấy chứng nhận tích hợp vào cơ sở dữ liệu đất đai tại Trung ương:

Gói dữ liệu được trình bày ở dạng dữ liệu trao đổi JSON gồm các trường thông tin sau:

*Bảng 1: gói dữ liệu mã QR của Giấy chứng nhận*

STT	Tên	Kiểu dữ liệu	Mô tả
1	MaTinh	String	Mã ĐVHC cấp tỉnh của thửa đất, tài sản gắn liền với đất
2	MaHuyen	String	Mã ĐVHC cấp huyện của thửa đất, tài sản gắn liền với đất
3	MaXa	String	Mã ĐVHC cấp xã của thửa đất, tài sản gắn liền với đất
4	MaQR	String	Mã QR của Giấy chứng nhận

5	maHoaQR	String	Mã QR mã hóa
6	FileNoiDungQR	Object	File nội dung hiển thị thông tin phản hồi từ mã QR GCN, mô tả chi tiết tại bảng 1.1
7	MaHinhQR	Object	Mã hình QR được khởi tạo từ trường dữ liệu đường dẫn file QR
8	HieuLuc	Integer	Trạng thái hiệu lực của mã QR 0: Hết hiệu lực 1: Còn hiệu lực
9	NguoiSuDungDat	String	Thông tin người sử dụng đất, mô tả chi tiết tại bảng 1.2.1, 1.2.2, 1.2.3

*Bảng 1.1: Bảng mô tả tên trường của đối tượng file nội dung QR đính kèm*

STT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Mô tả
1	TenFile (*)	String	Tên file pdf, mô tả chi tiết tại bảng 1.1.1
2	TapTin	Object	Tập tin upload

*Bảng 1.1.1: Bảng mô tả tên trường của đối tượng thông tin tập tin*

STT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Mô tả
1	name	String	Tên tập tin
2	Data	Byte[]	Mảng byte tập tin (String base-64)

*Bảng 1.2.1: Bảng mô tả tên trường của đối tượng người sử dụng đất là cá nhân*

STT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Mô tả
1	HoTen	String	Họ tên chủ (cá nhân)
2	GiayToNhanThan	String	Số giấy tờ nhân thân

*Bảng 1.2.2: Bảng mô tả tên trường của đối tượng người sử dụng đất là tổ chức*

STT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Mô tả
1	TenToChuc	String	Tên tổ chức
2	soQuyếtDinh	String	Là số quyết định thành lập hoặc số giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
3	NguoiDaiDien	String	Tên người đại diện theo

			pháp luật
4	GiayToNhanThan	String	Số giấy tờ tùy thân

*Bảng 1.2.3: Bảng mô tả tên trường của đối tượng người sử dụng đất là cộng đồng dân cư*

STT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Mô tả
1	TenCongDong	String	Tên cộng đồng dân cư
2	NguoiDaiDien	String	Tên người đại diện theo pháp luật
3	GiayToNhanThan	String	Số giấy tờ tùy thân

#### **4.2. Nội dung gói dữ liệu cập nhật trạng thái hiệu lực của mã QR**

STT	Tên	Kiểu dữ liệu	Mô tả
1	MaQR	String	Mã QR của Giấy chứng nhận
2	HieuLuc	Integer	Trạng thái hiệu lực của mã QR 0: Hết hiệu lực 1: Còn hiệu lực

*Chi tiết về hướng dẫn kết nối dịch vụ tích hợp dữ liệu mã QR của Giấy chứng nhận từ địa phương lên trung ương thực hiện theo tài liệu ở địa chỉ: <http://tailieuhoghi.gdla.gov.vn/apitichhopqrgcn.html>.*

## **II. Hình thức trình bày và nội dung thông tin mã QR của Giấy chứng nhận**

### **1. Hình thức trình bày**

Thông tin mã QR của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất (gọi tắt là Mã QR của Giấy chứng nhận) được trình bày với kích thước 210 mm x 297 mm, có Quốc huy, dòng chữ “Thông tin quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất (Thông tin này được lấy từ mã QR in trên Giấy chứng nhận)”, số phát hành Giấy chứng nhận (số seri) gồm 02 chữ cái tiếng Việt và 08 chữ số và 5 mục, cụ thể như sau:

- Mục 1: Thông tin về người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất;
- Mục 2: Thông tin về thửa đất;
- Mục 3: Thông tin về tài sản gắn liền với đất;
- Mục 4: Sơ đồ thửa đất, tài sản gắn liền với đất;
- Mục 5: Ghi chú và nội dung thay đổi.





- Trường hợp cấp Giấy chứng nhận đối với tài sản gắn liền với đất trên nhiều thửa đất mà chủ sở hữu tài sản là người sử dụng đất theo khoản 1 Điều 37 Thông tư số 10/2024/TT-BTNMT thì thể hiện thông tin về các thửa đất như sau:

Tờ bản đồ số	Thửa đất số	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Loại đất	Thời hạn sử dụng	Hình thức sử dụng	Nguồn gốc sử dụng đất	Địa chỉ

- Trường hợp cấp Giấy chứng nhận đối với tài sản gắn liền với đất trên nhiều thửa đất mà chủ sở hữu tài sản không có quyền sử dụng đất theo khoản 2 Điều 37 Thông tư số 10/2024/TT-BTNMT thì thể hiện thông tin về các thửa đất như sau:

Tờ bản đồ số	Thửa đất số	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Loại đất	Thời hạn sử dụng	Hình thức sử dụng	Nguồn gốc sử dụng	Địa chỉ

### 2.3. Thể hiện thông tin về tài sản gắn liền với đất

Thông tin về tài sản gắn liền với đất của Mã QR của Giấy chứng nhận thể hiện tại Mục 3 của Mã QR của Giấy chứng nhận như sau:

- Nội dung và hình thức trình bày theo Điều 34 Thông tư số 10/2024/TT-BTNMT.

- Đối với trường hợp tài sản là nhà chung cư hoặc công trình xây dựng mà cấp Giấy chứng nhận cho một số căn hộ hoặc một số hạng mục công trình hoặc một số phần diện tích của hạng mục công trình thì thể hiện thông tin về tên tài sản theo khoản 6 Điều 34 Thông tư số 10/2024 và thông tin chi tiết như sau:

Hạng mục công trình/Tên tài sản	Diện tích xây dựng (m <sup>2</sup> )	Diện tích sử dụng (m <sup>2</sup> ) hoặc công suất	Hình thức sở hữu	Cấp công trình	Thời hạn sở hữu	Địa chỉ

- Đối với trường hợp tài sản là căn hộ thì thể hiện theo bảng sau:

<i>Tên tài sản</i>	<i>Diện tích sàn xây dựng (m<sup>2</sup>)</i>	<i>Diện tích sử dụng (m<sup>2</sup>)</i>	<i>Hình thức sở hữu</i>	<i>Thời hạn sở hữu</i>

- Đối với hạng mục sở hữu chung ngoài căn hộ thì thể hiện thông tin như sau:

<i>Tên tài sản sở hữu chung ngoài căn hộ</i>	<i>Diện tích sàn xây dựng (m<sup>2</sup>)</i>
Hành lang	
Phòng họp cộng đồng	
...	

- Đối với trường hợp tài sản gắn liền với đất gồm nhiều hạng mục khác nhau, trong đó có phần thuộc sở hữu riêng và có phần thuộc sở hữu chung thì thông tin về tài sản gắn liền với đất quy định tại điểm b khoản 1 Điều 36 Thông tư số 10/2024/TT-BTNMT thì thể hiện thông tin như sau:

+ Diện tích đất sử dụng: thể hiện tổng diện tích đất mà người được cấp Giấy chứng nhận có quyền sử dụng riêng và sử dụng chung với người khác. Hình thức sử dụng đất thể hiện diện tích đất sử dụng riêng vào mục sử dụng riêng và thể hiện diện tích đất sử dụng chung vào mục sử dụng chung tại Mục Mục 2 của Mã QR của Giấy chứng nhận;

- Diện tích của tài sản (gồm diện tích xây dựng, diện tích sử dụng): thể hiện tổng diện tích tài sản mà người được cấp Giấy chứng nhận có quyền sở hữu riêng và sở hữu chung với người khác. Hình thức sở hữu tài sản thể hiện từng hình thức và diện tích sở hữu riêng, sở hữu chung kèm theo.

Trường hợp tài sản gắn liền với đất gồm nhiều hạng mục khác nhau, trong đó có phần thuộc sở hữu riêng và có phần thuộc sở hữu chung thì thông tin về tài sản gắn liền với đất được thể hiện như sau:

<i>Tên tài sản</i>	<i>Diện tích xây dựng (m<sup>2</sup>)</i>	<i>Diện tích sử dụng (m<sup>2</sup>)</i>	<i>Hình thức sở hữu</i>	<i>Cấp công trình</i>	<i>Thời hạn sở hữu</i>

#### ***2.4. Thẻ hiện thông tin về sơ đồ thửa đất, tài sản gắn liền với đất***

Thông tin về Sơ đồ thửa đất, tài sản gắn liền với đất của Mã QR của Giấy chứng nhận thể hiện tại Mục 4 của Mã QR của Giấy chứng nhận như sau:

- Nội dung, hình thức trình bày theo quy định tại Điều 39 Thông tư số 10/2024/TT-BTNMT.

- Phải thể hiện đầy đủ các sơ đồ thửa đất, tài sản gắn liền với đất trừ sơ đồ thửa đất quy định tại điểm b khoản 1 Điều 39 Thông tư số 10/2024/TT-BTNMT và phải liệt kê đầy đủ các đỉnh thửa của thửa đất trong bảng liệt kê tọa độ.

- Thẻ hiện thông tin của thửa đất quy định tại khoản 10 Điều 8 Thông tư số 10/2024/TT-BTNMT.

#### ***2.5. Thẻ hiện thông tin về ghi chú và nội dung thay đổi:***

Thông tin về Ghi chú và nội dung thay đổi của Mã QR của Giấy chứng nhận thể hiện tại Mục 5 của Mã QR của Giấy chứng nhận như sau:

- Nội dung và hình thức trình bày thể hiện tại Điều 40 Thông tư số 10/2024/TT-BTNMT;

- Ngoài ra, thông tin về Ghi chú và nội dung thay đổi của Mã QR của Giấy chứng nhận còn thể hiện các nội dung sau:

+ Thẻ hiện thông tin về hạn chế quyền sử dụng đất, về quyền đối với thửa đất liền kề của thửa đất quy định tại các khoản 7, khoản 11, khoản 12 Điều 8 Thông tư số 10/2024/TT-BTNMT (nếu có);

+ Thẻ hiện thông tin về hạn chế quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất quy định tại khoản 6 Điều 10 Thông tư số 10/2024/TT-BTNMT (nếu có).

+ Thẻ hiện đầy đủ thông tin về đăng ký thế chấp, xóa đăng ký thế chấp, đăng ký thay đổi nội dung thế chấp bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất theo quy định tại khoản 24 Điều 13 Thông tư số 10/2024/TT-BTNMT (nếu có).

### III. Mẫu thể hiện thông tin mã QR của Giấy Chứng nhận



**THÔNG TIN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT,  
QUYỀN SỞ HỮU TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT**  
(Thông tin này được lấy từ mã QR in trên Giấy chứng nhận)

AA 012345678

**1. Người sử dụng đất, chủ sử dụng tài sản gắn liền với đất:**

[Liệt kê các chủ sử dụng đất, ví dụ: Nguyễn Văn A, CCCD:.....]

**2. Thông tin thửa đất:**

[Trường hợp Giấy chứng nhận cấp cho một thửa đất]

- a. Thửa đất số: .....;                      tờ bản đồ số: .....
- b. Diện tích: .....                      c. Loại đất: .....
- d. Thời hạn sử dụng: .....
- đ. Hình thức sử dụng: .....
- e. Địa chỉ: .....
- g. Nguồn gốc sử dụng đất:.....

[Trường hợp Giấy chứng nhận cấp cho nhiều thửa đất nông nghiệp]

- a. Thửa đất số: ..... thửa                      b. Diện tích: .....
- c. Địa chỉ: .....
- d. Danh sách các thửa đất:

Tờ bản đồ số	Thửa đất số	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Loại đất	Thời hạn sử dụng	Hình thức sử dụng	Nguồn gốc sử dụng đất	Địa chỉ

**3. Thông tin tài sản gắn liền với đất:**

- a. Tên tài sản: .....                      b. Diện tích xây dựng:.....
- c. Diện tích sử dụng:.....                      d. Số tầng: .....
- đ. Kết cấu: .....                      e. Cấp công trình: .....
- g. Hình thức sở hữu: .....                      h. Thời hạn sở hữu: .....
- i. Địa chỉ: .....

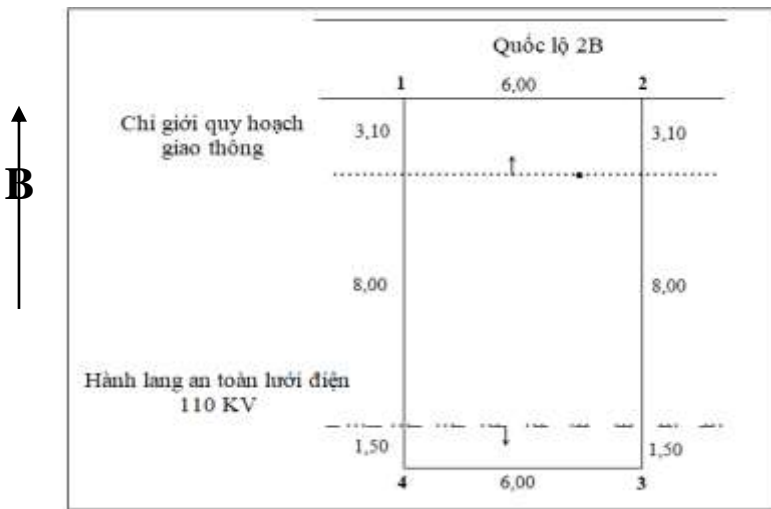
[Trường hợp cấp Giấy chứng nhận cho một số căn hộ hoặc một số hạng mục công trình:]

Tên tài sản	Diện tích xây dựng (m <sup>2</sup> )	Diện tích sử dụng (m <sup>2</sup> )	Hình thức sở hữu	Cấp công trình	Thời hạn sở hữu

[Trường hợp tài sản là căn hộ:]

Tên tài sản	Diện tích sàn xây dựng (m <sup>2</sup> )	Diện tích sử dụng (m <sup>2</sup> )	Hình thức sở hữu	Thời hạn sở hữu

**4. Sơ đồ thửa đất, tài sản gắn liền với đất:**



**BẢNG LIỆT KÊ TỌA ĐỘ**

Số hiệu thửa	Tọa độ		Chiều dài (m)
	X	Y	

[Trường hợp số đỉnh thửa quá nhiều, thể hiện đầy đủ các đỉnh thửa theo bảng như sau:]

**BẢNG LIỆT KÊ TỌA ĐỘ**

Số hiệu thửa	Tọa độ		Chiều dài (m)
	X	Y	
1			
2			
3			
4			
5			

Số hiệu thửa	Tọa độ		Chiều dài (m)
	X	Y	
6			
7			
8			
.....			

[Trường hợp Thửa đất được cấp Giấy chứng nhận có nhiều tài sản thì thể hiện đầy đủ các sơ đồ tài sản]

Thông tin về tài liệu đo đạc:.....

**5. Ghi chú và nội dung thay đổi:**

- [Thông tin về nghĩa vụ tài chính đối với các loại nghĩa vụ tài chính phải nộp gồm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, lệ phí trước bạ và thông tin về miễn, giảm nghĩa vụ tài chính, ghi nợ tiền sử dụng đất, lệ phí trước bạ (nếu có).]
- [Thông tin về hạn chế quyền sử dụng đất của cá nhân là người dân tộc thiểu số (nếu có).]
- [Thông tin về trường hợp chủ sở hữu tài sản không có quyền sử dụng đất (nếu có)].
- [Thông tin về hạn chế quyền sử dụng đất (nếu có).]
- [Thông tin về quyền đối với thửa đất liền kề (nếu có).]
- [Thông tin về hạn chế quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất (nếu có).]
- [Thông tin về đăng ký thế chấp, xóa đăng ký thế chấp, đăng ký thay đổi nội dung thế chấp bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất (nếu có).] ./.